

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: TOÁN

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	011308	Phan Tất Tuấn	Nam	03/01/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	10.00	9.25	9.50	17.00	54.25	NV1	L1
2	011319	Nguyễn Thúc Gia Vũ	Nam	12/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.75	9.00	9.50	17.00	53.75	NV1	L1
3	011295	Trần Bảo Trang	Nữ	24/01/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	8.75	8.75	9.75	17.50	53.50	NV1	L1
4	011046	Thái Việt Bách	Nam	26/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.50	8.75	9.50	16.75	52.88	NV1	L1
5	011318	Nguyễn Ngọc Anh Vũ	Nam	18/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	10.00	8.75	9.25	16.50	52.75	NV1	L1
6	011215	Nguyễn Nguyên	Nam	17/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.50	9.75	17.00	52.75	NV1	L1
7	011269	Nguyễn Thị Băng Tâm	Nữ	20/10/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	9.75	9.50	10.00	15.50	52.50	NV1	L1
8	011149	Nguyễn Hữu Khánh Hưng	Nam	01/01/2010	Kinh	THCS Đặng Chánh Kỳ	9.25	8.25	9.50	16.50	51.75	NV1	L1
9	011193	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	12/08/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.50	9.00	9.50	15.50	51.25	NV1	L1
10	011065	Lê Đức Minh Chiến	Nam	18/06/2010	Kinh	Trường THCS Quỳnh Tân	9.50	8.75	9.75	15.50	51.25	NV1	L1
11	011224	Hoàng Văn Nhân	Nam	13/10/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	10.00	8.50	9.50	15.50	51.25	NV1	L1
12	011038	Trần Tuấn Anh	Nam	08/07/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.50	8.25	9.75	15.75	51.13	NV1	L1
13	011099	Đậu Minh Đức	Nam	08/07/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	9.25	8.75	9.75	15.50	51.00	NV1	L1
14	011256	Nguyễn Như Quân	Nam	02/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.50	8.50	9.75	15.50	51.00	NV1	L1
15	011114	Nguyễn Tất Han	Nam	11/03/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	9.75	9.50	9.75	14.50	50.75	NV1	L1
16	011130	Nguyễn Nhật Hoàng	Nam	07/05/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	9.50	8.25	9.00	16.00	50.75	NV1	L1
17	011257	Thái Mạnh Quân	Nam	22/12/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	8.50	8.50	9.75	16.00	50.75	NV1	L1
18	011241	Vương Đình Phúc	Nam	19/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.25	9.25	15.75	50.63	NV1	L1
19	011108	Nguyễn Khánh Hà	Nữ	19/12/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.50	9.25	9.75	14.50	50.25	NV1	L1
20	011043	Nguyễn Đăng Bách	Nam	05/08/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	9.50	9.00	7.00	16.50	50.25	NV1	L1
21	011196	Phạm Bình Minh	Nam	24/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.75	9.00	9.75	14.50	50.25	NV1	L1
22	011071	Cao Khắc Dũng	Nam	08/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.50	9.75	15.00	50.00	NV1	L1
23	011174	Nguyễn Phương Linh	Nữ	25/03/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.00	8.75	9.75	15.00	50.00	NV1	L1
24	011313	Trần Xuân Quốc Việt	Nam	06/10/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.75	9.25	8.25	15.00	49.75	NV1	L1
25	011180	Nguyễn Hữu Long	Nam	14/02/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	8.75	9.50	9.00	15.00	49.75	NV1	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	011248	Trần Tuấn Quang	Nam	11/03/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	9.25	8.50	9.75	14.75	49.63	NV1	L1
27	011041	Nguyễn Hữu Âu	Nam	07/01/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	9.75	8.50	9.50	14.50	49.50	NV1	L1
28	011254	Nguyễn Hoàng Quân	Nam	16/02/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.50	9.25	9.00	14.50	49.50	NV1	L1
29	011310	Phan Hữu Tùng	Nam	17/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.00	9.75	14.25	49.38	NV1	L1
30	011288	Phạm Cao Thắng	Nam	18/02/2010	Kinh	THCS Nghi Ân	9.50	8.50	9.50	14.50	49.25	NV1	L1
31	011033	Nguyễn Văn Hải Anh	Nam	23/08/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	9.50	8.00	8.75	15.25	49.13	NV1	L1
32	011293	Nguyễn Trung Thực	Nam	30/11/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	8.75	8.75	9.50	14.75	49.13	NV1	L1
33	011084	Trần Tuấn Duy	Nam	27/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.00	9.50	14.75	49.13	NV1	L1
34	011194	Nguyễn Quang Minh	Nam	03/04/2010	Kinh	Trường THCS Quỳnh Thiện	9.25	8.75	9.75	14.25	49.13	NV1	L1
35	011087	Trần Thùy Dương	Nữ	30/08/2010	Kinh	TH&THCS Thực hành SP Nghệ An	8.25	8.50	8.75	15.50	48.75	NV1	L1

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 35 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 0 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐTS



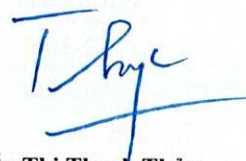
Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDT&H

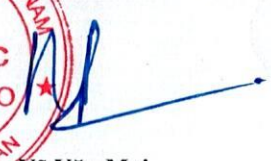


Nguyễn Thị Thanh Thủy



Ngày 14 tháng 06 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Văn Mai

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC

2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: TIN HỌC

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	010842	Phan Anh Khang	Nam	06/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.25	9.25	19.00	56.25	NV1	L1
2	010811	Nguyễn Gia Quốc Anh	Nam	28/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	9.00	8.00	20.00	55.75	NV1	L1
3	010864	Phan Công Minh	Nam	20/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.50	9.50	17.35	54.03	NV1	L1
4	010870	Nguyễn Nhật Quang	Nam	17/04/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.75	8.25	9.00	16.80	51.20	NV1	L1
5	010875	Nguyễn Đại Quốc	Nam	26/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.00	9.75	15.40	51.10	NV1	L1
6	011303	Nguyễn Bá Vân Trường	Nam	26/12/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.50	9.00	9.50	15.00	50.50	NV1	L1
7	011067	Phạm Thành Chương	Nam	15/11/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	8.25	9.00	7.75	16.50	49.75	NV1	L1
8	010861	Nguyễn Công Minh	Nam	24/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	8.75	9.25	15.20	49.55	NV1	L1
9	010888	Thái Huy Triết	Nam	23/05/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	8.50	7.25	9.75	16.00	49.50	NV1	L1
10	010847	Đậu Đăng Khôi	Nam	20/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.25	9.75	14.70	49.30	NV1	L1
11	011207	Nguyễn Lưu Trúc Ngân	Nữ	06/02/2010	Kinh	THCS Thị Trấn Quỳnh Hợp	8.50	9.00	9.50	14.50	48.75	NV1	L1
12	011039	Trần Việt Anh	Nam	26/10/2009	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	9.25	9.50	15.00	48.75	NV1	L1
13	010877	Nguyễn Cảnh Quyền	Nam	16/02/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.75	8.50	9.75	14.45	48.68	NV1	L1
14	010825	Nguyễn Xuân Trung Cường	Nam	22/02/2010	Kinh	THCS Thạch Thị	8.25	9.25	8.75	14.80	48.45	NV1	L1
15	010896	Võ Văn Tuấn	Nam	27/05/2010	Kinh	THCS Thị Trấn Nghĩa Đàn	8.75	7.75	8.25	15.40	47.85	NV1	L1
16	011076	Phạm Quốc Dũng	Nam	15/07/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	7.50	8.25	9.50	15.00	47.75	NV1	L1
17	010820	Phạm Quốc Bảo	Nam	07/03/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	7.75	7.75	8.25	15.80	47.45	NV1	L1
18	011217	Nguyễn Hoàng Nguyên	Nam	23/04/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	9.50	8.50	9.75	12.25	46.13	NV1	L1
19	011297	Nguyễn Minh Trí	Nam	13/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.00	9.00	13.00	45.75	NV1	L1
20	010880	Võ Quang Thanh	Nam	22/08/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	7.50	9.25	12.30	44.20	NV1	L1
21	010867	Phan Minh Nhật	Nam	22/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.50	9.75	11.05	43.83	NV1	L1
22	010878	Lê Phạm Đức Tài	Nam	27/06/2010	Kinh	THCS Hòa Hiếu 2	9.00	7.75	9.00	12.05	43.83	NV1	L1
23	011211	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	30/04/2010	Kinh	THCS Nguyễn Trường Tộ - Vinh	8.50	8.00	8.25	12.50	43.50	NV1	L1
24	010893	Bùi Huy Tuấn	Nam	21/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	7.75	8.25	12.05	42.58	NV1	L1
25	010890	Nguyễn Hữu Nhất Trung	Nam	28/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	7.50	9.25	11.70	42.55	NV1	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010892	Bùi Thanh Tú	Nam	07/10/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS NGHĨA LỘC	8.75	8.00	8.00	11.85	42.53	NV1	L1
27	010886	Nguyễn Ngọc Thường	Nam	24/04/2010	Kinh	THCS Nam Giang	9.00	8.00	9.50	10.65	42.48	NV1	L1
28	010895	Nguyễn Thái Tuấn	Nam	12/10/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.00	8.00	8.00	11.70	41.55	NV1	L1
29	010817	Nguyễn Công Gia Bảo	Nam	12/07/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	7.50	7.75	8.25	11.80	41.20	NV1	L1
30	010812	Nguyễn Thiện Anh	Nam	25/11/2010	Kinh	Trường THCS Diễn Hồng	8.25	9.25	9.50	9.05	40.58	NV1	L1
31	010810	Võ Văn An	Nam	05/05/2010	Kinh	THCS Hưng Lộc	9.00	8.75	9.50	8.55	40.08	NV1	L1
32	010862	Nguyễn Quang Minh	Nam	27/09/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	8.00	8.75	9.00	9.45	39.93	NV1	L1
33	010821	Trần Văn Quốc Bảo	Nam	10/08/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.00	9.75	8.25	39.63	NV1	L1
NGUYỄN VỌNG 2													
34	011264	Hoàng Thái Sơn	Nam	10/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	10.00	8.25	9.00	14.25	48.63	NV2	L1
35	011283	Trương Công Thành	Nam	19/10/2010	Kinh	THCS Nghi Thạch	9.50	8.75	9.50	13.50	48.00	NV2	L1

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 33 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 2 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐQT



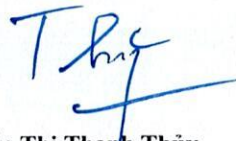
Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDT&H



Nguyễn Thị Thanh Thủy



PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Văn Mai

Nghe An, ngày 14 tháng 06 năm 2025

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC

2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: VẬT LÝ

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VONG 1													
1	011403	Nguyễn Xuân Nguyên	Nam	12/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.75	9.00	9.75	17.50	54.75	NV1	L1
2	011385	Nguyễn Công Liêm	Nam	01/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.75	9.25	16.25	51.63	NV1	L1
3	011445	Trần Nhật Trung	Nam	14/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.00	9.25	15.50	50.75	NV1	L1
4	011375	Thái Gia Hưng	Nam	01/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.25	9.25	14.75	49.63	NV1	L1
5	011374	Nguyễn Gia Hưng	Nam	12/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.25	8.75	15.50	49.50	NV1	L1
6	011337	Phan Thiện Bảo	Nam	17/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.75	9.50	14.67	49.26	NV1	L1
7	011425	Trần Hải Quỳnh	Nữ	31/08/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	9.25	8.50	9.50	14.50	49.00	NV1	L1
8	011326	Từ Thái An	Nam	16/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.50	10.00	14.25	48.88	NV1	L1
9	011391	Giao Minh	Nam	20/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	8.75	9.50	14.50	48.75	NV1	L1
10	011413	Trần Bảo Phú	Nam	06/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.25	9.75	14.25	48.63	NV1	L1
11	011383	Nguyễn Vũ Trúc Lâm	Nữ	10/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.00	9.25	14.00	48.50	NV1	L1
12	011334	Nguyễn Hữu Gia Bảo	Nam	01/01/2010	Kinh	THCS Thanh Dương	9.00	8.75	9.75	14.00	48.50	NV1	L1
13	011388	Võ Khánh Linh	Nữ	22/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.50	9.50	13.75	48.13	NV1	L1
14	011430	Lê Bảo Sơn	Nam	11/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.25	9.75	13.25	48.13	NV1	L1
15	011378	Nguyễn Duy Khánh	Nam	26/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.00	9.75	14.00	48.00	NV1	L1
16	011414	Hồ Trung Phúc	Nam	29/04/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	9.00	8.75	9.25	14.00	48.00	NV1	L1
17	011327	Dương Việt Anh	Nam	18/11/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	9.75	9.00	7.00	14.50	47.50	NV1	L1
18	011349	Trần Quang Đạo	Nam	02/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	8.25	9.75	13.50	46.75	NV1	L1
19	011362	Thái Hữu Hoàng Hiếu	Nam	20/10/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	9.00	8.25	9.25	13.08	46.12	NV1	L1
20	011324	Đậu Bình An	Nam	05/08/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.00	7.75	9.00	14.00	45.75	NV1	L1
21	011331	Nguyễn Công Bách	Nam	15/12/2010	Kinh	THCS Anh Sơn	9.00	8.00	7.75	13.75	45.38	NV1	L1
22	011453	Võ Hùng Vương	Nam	19/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.00	9.00	12.00	45.25	NV1	L1
23	011409	Nguyễn Hoàng Phát	Nam	12/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.00	9.25	12.50	45.25	NV1	L1
24	011402	Võ Văn Nhật Minh	Nam	23/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	8.50	9.25	12.50	45.00	NV1	L1
25	011417	Hồ Mai Phương	Nữ	06/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.67	8.25	9.25	12.50	44.92	NV1	L1

TĐ

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	011440	Bùi Hương Trà	Nữ	28/04/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.25	8.00	9.00	12.00	44.25	NV1	L1
27	011342	Võ Tấn Dũng	Nam	20/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.50	9.00	9.25	10.75	43.88	NV1	L1
28	011370	Nguyễn Quang Huy	Nam	23/09/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.00	9.25	9.50	10.50	43.50	NV1	L1
29	011379	Vũ Đình Bảo Khánh	Nam	22/01/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	9.00	9.00	9.50	10.58	43.37	NV1	L1
30	011336	Phan Gia Bảo	Nam	08/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	7.25	9.25	12.50	43.25	NV1	L1
31	011399	Tăng Hùng Minh	Nam	26/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.25	9.25	10.25	43.13	NV1	L1
32	011411	Luyện Khánh Phong	Nam	29/06/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	9.25	8.75	9.75	10.25	43.13	NV1	L1
33	011364	Nguyễn Trọng Phi Hoàng	Nam	21/09/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	7.00	9.00	7.50	13.00	43.00	NV1	L1
34	011376	Bùi Danh Khang	Nam	25/01/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	7.50	9.25	9.50	11.00	42.75	NV1	L1
35	011394	Nguyễn Đức Minh	Nam	12/11/2010	Kinh	THCS Nguyễn Trường Tộ - Vinh	7.75	9.00	8.75	11.50	42.75	NV1	L1

NGUYỄN VỌNG 2

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 35 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 0 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐTS



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDTTrH



Nguyễn Thị Thanh Thủy



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC

2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: HÓA HỌC

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	011512	Lê Khánh Hưng	Nam	31/05/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	9.00	9.25	9.25	18.88	55.82	NV1	L1
2	011499	Trần Phú Hào	Nam	14/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.25	9.75	16.21	52.57	NV1	L1
3	011508	Ngô Sỹ Hùng	Nam	31/01/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	8.75	9.25	9.50	16.50	52.25	NV1	L1
4	011593	Bạch Minh Thư	Nữ	02/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.00	8.50	16.88	52.07	NV1	L1
5	011582	Chu Thế Tài	Nam	23/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.25	9.75	15.75	51.63	NV1	L1
6	011552	Phạm Trang Nhung	Nữ	25/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	8.50	9.50	16.50	51.50	NV1	L1
7	011591	Trần Nguyễn Trọng Thông	Nam	20/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.75	9.75	15.75	51.38	NV1	L1
8	011544	Biện Thảo Nguyên	Nữ	05/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.75	9.75	15.75	51.13	NV1	L1
9	011606	Nguyễn Đức Tùng	Nam	10/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	8.00	8.00	17.50	50.75	NV1	L1
10	011565	Lê Đức Anh Quân	Nam	21/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.50	10.00	15.50	50.75	NV1	L1
11	011468	Trần Gia Bảo	Nam	28/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.75	9.25	15.75	50.63	NV1	L1
12	011597	Nguyễn Đặng Minh Trang	Nữ	28/03/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.25	8.50	9.75	15.38	50.57	NV1	L1
13	011601	Hoàng Việt Triều	Nam	08/01/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	9.00	8.25	9.25	15.96	50.44	NV1	L1
14	011525	Lê Văn Lam	Nam	20/08/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	8.00	9.25	9.50	15.50	50.00	NV1	L1
15	011576	Võ Hạnh San	Nữ	07/06/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.75	8.25	9.75	15.38	49.82	NV1	L1
16	011532	Thái Đức Mạnh	Nam	09/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	7.75	9.25	16.25	49.63	NV1	L1
17	011563	Hồ Minh Quân	Nam	07/02/2010	Kinh	THCS Lê Mao	8.75	8.50	8.00	16.00	49.25	NV1	L1
18	011524	Nguyễn Đình Phước Kim	Nam	05/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	8.50	9.25	15.25	49.13	NV1	L1
19	011604	Đặng Quốc Trường	Nam	07/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.00	8.75	14.71	49.07	NV1	L1
20	011610	Cao Cự Thành Vinh	Nam	22/04/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	8.00	8.75	9.75	15.00	49.00	NV1	L1
21	011481	Hoàng Lê Dũng	Nam	25/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.75	8.75	15.00	49.00	NV1	L1
22	011585	Hồ Thị Minh Tâm	Nữ	12/08/2010	Kinh	THCS Nghi Đức	8.50	8.25	9.00	15.38	48.82	NV1	L1
23	011505	Bùi Danh Hoàng	Nam	10/11/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	9.00	8.00	10.00	14.50	48.75	NV1	L1
24	011547	Nguyễn Lê Hồng Nguyên	Nam	06/09/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	9.00	9.00	9.50	13.63	47.95	NV1	L1
25	011523	Nguyễn Nguyên Tuấn Kiệt	Nam	02/12/2010	Kinh	THCS Nghi Ân	8.50	8.75	9.75	13.92	47.88	NV1	L1

Tg

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	011472	Nguyễn Bảo Châu	Nữ	02/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.25	9.50	13.25	47.88	NV1	L1
27	011493	Nguyễn Bảo Đông	Nam	02/08/2010	Kinh	THCS Hưng Lộc	9.00	8.75	9.00	13.96	47.69	NV1	L1
28	011506	Nguyễn Bá Hoàng	Nam	27/12/2010	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	8.50	9.25	9.00	13.75	47.38	NV1	L1
29	011470	Lê Công Bằng	Nam	15/01/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.25	8.00	7.25	15.25	47.38	NV1	L1
30	011514	Võ Tuấn Hưng	Nam	05/02/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	8.75	8.50	9.25	13.88	47.32	NV1	L1
31	011605	Nguyễn Văn Anh Tuấn	Nam	15/12/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.50	8.75	9.50	13.63	47.20	NV1	L1
32	011474	Nguyễn Phương Chi	Nữ	07/05/2010	Kinh	THCS Nghi Đức	9.00	8.75	9.75	12.88	46.82	NV1	L1
33	011498	Lê Quang Hải	Nam	28/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.25	9.50	12.67	46.76	NV1	L1
34	011476	Phan Tùng Chi	Nữ	15/12/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.00	9.75	12.88	46.32	NV1	L1
35	011584	Hồ Việt Tài	Nam	03/07/2010	Kinh	THCS Đặng Chánh Kỷ	9.25	8.00	9.00	13.34	46.26	NV1	L1

NGUYỄN VỌNG 2

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 35 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 0 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐQTS



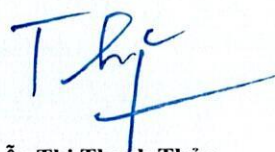
Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDT&H



Nguyễn Thị Thanh Thủy



PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Văn Mai

Nghe An, ngày 14 tháng 06 năm 2025

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: SINH HỌC

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	011624	Vũ Quý Châu	Nam	28/12/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	9.25	8.50	9.25	18.75	55.13	NV1	L1
2	011724	Nguyễn Văn Tuấn Tú	Nam	02/11/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	9.00	8.75	9.75	18.00	54.50	NV1	L1
3	011726	Nguyễn Thanh Uyên	Nữ	31/08/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.00	9.75	17.50	54.00	NV1	L1
4	011648	Trần Văn Hùng	Nam	20/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.50	10.00	17.50	53.75	NV1	L1
5	011621	Đình Văn Gia Bảo	Nam	21/07/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	9.00	8.75	9.75	17.50	53.75	NV1	L1
6	011637	Nguyễn Thảo Đan	Nữ	05/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.75	9.00	17.50	53.25	NV1	L1
7	011631	Hoàng Thế Dũng	Nam	20/04/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	8.50	9.00	9.00	17.75	53.13	NV1	L1
8	011666	Bùi Hà Linh	Nữ	03/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.75	9.75	16.75	52.88	NV1	L1
9	011628	Trần Khánh Chi	Nữ	08/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.25	9.75	17.00	52.75	NV1	L1
10	011711	Nguyễn Văn Thịnh	Nam	18/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	8.25	9.25	16.92	51.63	NV1	L1
11	011681	Nguyễn Thành Nam	Nam	08/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.00	9.75	16.50	51.50	NV1	L1
12	011714	Lê Ngọc Huyền Thư	Nữ	10/08/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	8.75	9.50	16.25	51.38	NV1	L1
13	011678	Nguyễn Tất Nhật Minh	Nam	11/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.00	10.00	15.75	51.13	NV1	L1
14	011699	Trương Bảo Quyên	Nữ	13/01/2010	Kinh	Trường THCS Trung Đô	8.50	9.00	8.75	16.50	51.00	NV1	L1
15	011712	Võ Trường Thịnh	Nam	19/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.00	8.50	16.25	50.88	NV1	L1
16	011615	Trần Thị Khánh An	Nữ	18/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	8.75	9.25	16.17	50.51	NV1	L1
17	011722	Trần Thảo Trâm	Nữ	19/09/2010	Kinh	THCS Quang Trung	8.25	9.00	9.75	15.67	50.51	NV1	L1
18	011709	Lê Thị Thiết	Nữ	30/03/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	8.00	9.00	9.50	16.00	50.50	NV1	L1
19	011725	Hoàng Minh Tuấn	Nam	16/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.75	9.00	15.67	50.26	NV1	L1
20	011662	Nguyễn Nhật Khương	Nam	27/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	7.50	9.50	16.50	50.25	NV1	L1
21	011688	Hoàng Diệp Minh Nhi	Nữ	01/02/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	8.50	9.25	8.25	16.00	50.00	NV1	L1
22	011632	Trần Anh Dũng	Nam	16/05/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	8.25	9.25	8.75	15.75	49.88	NV1	L1
23	011675	Hồ Ngọc Mai	Nữ	12/04/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	8.50	7.75	7.75	17.25	49.88	NV1	L1
24	011723	Nguyễn Tiến Trinh	Nam	13/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	8.25	9.00	15.75	49.63	NV1	L1
25	011668	Nguyễn Hà Linh	Nữ	26/10/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	9.00	9.00	9.75	14.58	49.62	NV1	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	011652	Trần Nhật Huy	Nam	28/11/2010	Kinh	THCS Trường Thi	8.50	9.00	9.50	15.00	49.50	NV1	L1
27	011655	Bùi Anh Gia Hưng	Nam	04/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.25	9.25	15.00	49.50	NV1	L1
28	011625	Bùi Thị Thảo Chi	Nữ	26/04/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.00	8.00	9.50	15.67	49.01	NV1	L1
29	011701	Nguyễn Ngọc Hạnh San	Nữ	19/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.25	9.00	9.75	15.25	48.88	NV1	L1
30	011672	Hoàng Khánh Lộc	Nam	07/04/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	7.75	9.00	9.50	15.08	48.87	NV1	L1
31	011660	Nguyễn Bá Minh Khôi	Nam	16/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	8.50	9.25	15.00	48.50	NV1	L1
32	011716	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	10/03/2010	Kinh	THCS Lê Mao	8.00	8.50	9.50	15.00	48.50	NV1	L1
33	011635	Nguyễn Thị Hải Dương	Nữ	04/12/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	9.00	8.75	8.25	14.75	48.13	NV1	L1
34	011671	Trần Võ Huyền Linh	Nữ	10/01/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	8.00	9.25	8.00	15.25	48.13	NV1	L1
35	011717	Phạm Lê Anh Thư	Nữ	07/10/2010	Kinh	Trường THCS Trung Đô	8.00	8.75	9.50	14.58	48.12	NV1	L1

NGUYỄN VỌNG 2

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 35 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 0 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐTS



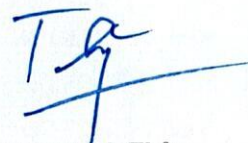
Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDT-H



Nguyễn Thị Thanh Thủy

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nghe An, ngày 14 tháng 06 năm 2025

Võ Văn Mai

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: TOÁN 2

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 2													
1	011235	Nguyễn Đức Duy Phong	Nam	12/03/2010	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	9.00	9.00	9.75	14.00	48.75	NV2	L1
2	011082	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	19/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.50	8.50	9.50	14.00	48.50	NV2	L1
3	011023	Chu Quỳnh Anh	Nữ	11/05/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	10.00	8.75	9.50	13.50	48.50	NV2	L1
4	011277	Hoàng Thành	Nam	14/06/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	9.75	8.25	9.50	14.00	48.50	NV2	L1
5	011055	Lê Xuân Bắc	Nam	15/05/2010	Kinh	THCS Anh Sơn	9.25	9.00	9.50	13.75	48.38	NV2	L1
6	011276	Võ Quang Thanh	Nam	04/03/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	9.25	9.00	8.25	14.50	48.25	NV2	L1
7	011323	Nguyễn Thị Lan Vy	Nữ	18/01/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	9.25	9.00	9.00	14.00	48.25	NV2	L1
8	011160	Lưu Anh Khôi	Nam	05/04/2010	Kinh	THCS Đặng Chánh Kỳ	9.25	7.75	8.75	15.00	48.25	NV2	L1
9	011125	Nguyễn Thành Hiếu	Nam	12/05/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN QUAN HÀNH	9.25	8.50	9.75	13.75	48.13	NV2	L1
10	011177	Nguyễn Công Linh	Nam	01/03/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	9.00	8.50	8.75	14.50	48.00	NV2	L1
11	011704	Nguyễn Quốc Thái	Nam	25/02/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	8.50	8.00	9.25	14.75	47.88	NV2	L1
12	011691	Nguyễn Phan Huy Phú	Nam	17/02/2010	Kinh	THCS Nghi Ân	8.75	8.25	9.25	14.00	47.25	NV2	L1
13	011634	Hoàng Thùy Dương	Nữ	10/07/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	7.75	7.50	8.75	15.25	46.88	NV2	L1
14	011719	Trần Thị Quỳnh Trang	Nữ	20/12/2010	Kinh	THCS Quang Trung	7.25	8.50	8.00	15.42	46.88	NV2	L1
15	011674	Đinh Thị Hương Mai	Nữ	14/03/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	8.50	9.00	8.75	13.75	46.88	NV2	L1
16	011511	Đinh Gia Huy	Nam	09/03/2010	Kinh	THCS Thọ Lộc	8.00	9.00	8.50	13.75	46.13	NV2	L1
17	011603	Phạm Minh Trung	Nam	09/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.00	9.00	13.25	46.13	NV2	L1
18	011473	Nguyễn Minh Châu	Nam	22/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	8.50	9.00	13.88	45.82	NV2	L1
19	011531	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	01/06/2010	Kinh	THCS Thanh Đức	9.00	8.50	7.75	13.65	45.73	NV2	L1
20	011500	Nguyễn Thương Hào	Nữ	25/09/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	7.50	8.75	9.00	13.63	45.70	NV2	L1
21	011566	Nguyễn Duy Minh Quân	Nam	26/04/2010	Kinh	THCS Hồng Sơn	8.00	8.75	8.50	13.58	45.62	NV2	L1
22	011534	Hoàng Tiến Minh	Nam	11/06/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	8.00	8.50	8.75	13.55	45.58	NV2	L1
23	011577	Nguyễn Văn Sang	Nam	07/03/2010	Kinh	THCS Thanh Đức	9.00	8.75	9.00	12.50	45.50	NV2	L1
24	011539	Nguyễn Ngọc Khánh My	Nữ	11/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.25	8.50	12.50	45.50	NV2	L1
25	011560	Chu Trọng Phước	Nam	23/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	9.25	7.75	13.50	45.25	NV2	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	011335	Nguyễn Võ Hoài Bảo	Nam	27/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.25	9.50	10.25	42.38	NV2	L1
27	011361	Nguyễn Hữu An Hiếu	Nam	04/02/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	9.00	8.50	8.75	10.50	42.00	NV2	L1
28	011451	Hồ Quốc Việt	Nam	15/05/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	8.75	7.75	8.50	11.25	41.88	NV2	L1
29	011341	Trần Trung Dũng	Nam	12/11/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN QUAN HẠNH	7.75	8.50	9.75	10.58	41.87	NV2	L1
30	011412	Nguyễn Nam Phong	Nam	30/01/2010	Kinh	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	9.00	8.00	7.50	11.25	41.38	NV2	L1
31	011371	Nguyễn Sỹ Bảo Huy	Nam	02/12/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.25	8.75	9.00	9.50	41.25	NV2	L1
32	011415	Nguyễn Lương Phúc	Nam	20/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.00	9.00	9.50	41.25	NV2	L1
33	011420	Đặng Hồng Quân	Nam	10/04/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	8.00	8.50	9.25	10.17	41.01	NV2	L1
34	011343	Hồ Bảo Duy	Nam	27/10/2010	Kinh	THCS Phúc - Lợi	8.75	7.50	7.50	11.50	41.00	NV2	L1
35	011427	Nguyễn Thị Ngọc Sao	Nữ	19/05/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	8.25	8.75	8.50	10.25	40.88	NV2	L1

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 0 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 35 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐQTS



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDT+H



Nguyễn Thị Thanh Thủy



PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Văn Mai

Nghe An, ngày 14 tháng 06 năm 2025

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: NGŨ VĂN

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	010214	Ông Tuệ Nhi	Nữ	05/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.50	9.75	17.50	53.75	NV1	L1
2	010055	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	03/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.50	9.75	17.25	53.38	NV1	L1
3	010141	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	04/09/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.75	9.25	8.50	17.75	53.13	NV1	L1
4	010226	Phạm Trang Nhung	Nữ	01/10/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	9.25	9.00	9.50	16.50	52.50	NV1	L1
5	010132	Hoàng Thị Khánh Linh	Nữ	02/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	9.50	8.75	17.75	52.38	NV1	L1
6	010200	Cao Gia Nhi	Nữ	21/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.50	9.50	16.25	52.38	NV1	L1
7	010176	Phạm Thị Thu Nga	Nữ	06/07/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	8.50	9.25	9.00	17.00	52.25	NV1	L1
8	010236	Phạm Mai Phương	Nữ	12/08/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.25	9.25	9.50	16.75	52.13	NV1	L1
9	010278	Lê Ngọc Bảo Trâm	Nữ	26/04/2010	Kinh	THCS Thị Trấn Quỳnh Hợp	7.75	9.00	9.75	17.00	52.00	NV1	L1
10	010197	Võ An Nguyên	Nữ	11/11/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.00	9.50	9.00	17.00	52.00	NV1	L1
11	010043	Ngô Tuệ Châu	Nữ	25/05/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.50	9.25	10.00	16.00	51.75	NV1	L1
12	010198	Lê Thị Thanh Nhâm	Nữ	12/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.50	8.50	16.75	51.63	NV1	L1
13	010183	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	Nữ	15/08/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.50	9.25	9.50	16.25	51.63	NV1	L1
14	010088	Nguyễn Việt Hà	Nữ	01/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	9.50	9.50	16.25	51.38	NV1	L1
15	010101	Tôn Lương Huy	Nam	20/10/2010	Kinh	THCS Nghi Đức	7.50	9.25	9.75	16.50	51.25	NV1	L1
16	010076	Trần Phan Linh Đan	Nữ	25/01/2010	Kinh	THCS Hòa Hiếu 2	8.50	9.25	9.50	16.00	51.25	NV1	L1
17	010019	Nguyễn Lê Hà Anh	Nữ	31/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	9.50	9.25	16.25	51.13	NV1	L1
18	010153	Trần Khánh Linh	Nữ	23/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.75	9.25	9.25	16.50	51.00	NV1	L1
19	010017	Nguyễn Hà Anh	Nữ	19/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.75	9.25	8.75	16.75	50.88	NV1	L1
20	010244	Đinh Đan Quỳnh	Nữ	20/01/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN QUẢN HẠNH	7.25	9.00	9.75	16.50	50.75	NV1	L1
21	010218	Trần Thảo Nhi	Nữ	03/02/2010	Kinh	THCS Lê Mao	7.75	9.00	9.25	16.50	50.75	NV1	L1
22	010089	Thái Tĩnh Hà	Nữ	03/02/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.50	9.25	9.25	15.75	50.63	NV1	L1
23	010053	Nguyễn Hồ Mai Chi	Nữ	11/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	9.25	9.75	16.00	50.50	NV1	L1
24	010158	Nguyễn Khánh Ly	Nữ	16/04/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.25	9.00	9.25	16.00	50.50	NV1	L1
25	010003	Hồ Thị Thiên An	Nữ	22/04/2010	Kinh	THCS Hòa Hiếu 2	8.75	9.00	9.50	15.50	50.50	NV1	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010224	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	01/01/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	7.00	9.50	8.25	17.00	50.25	NV1	L1
27	010116	Chu Nguyễn Thanh Lâm	Nam	30/03/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	6.75	8.75	9.75	16.50	50.00	NV1	L1
28	010028	Phan Nguyễn Hoàng Anh	Nữ	13/06/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	8.50	9.25	9.00	15.50	50.00	NV1	L1
29	010303	Phan Võ Thục Uyên	Nữ	03/01/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.00	9.25	8.75	16.00	50.00	NV1	L1
30	010279	Lưu Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	03/07/2010	Kinh	Trường THCS Trung Đô	7.75	9.25	8.50	16.25	49.88	NV1	L1
31	010283	Nguyễn Thùy Trâm	Nữ	15/08/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	7.50	9.00	9.00	16.25	49.88	NV1	L1
32	010289	Hồ Nữ Cẩm Tú	Nữ	20/08/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	7.25	9.00	9.50	16.00	49.75	NV1	L1
33	010136	Lê Hoàng Khánh Linh	Nữ	12/02/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.50	8.25	9.25	15.75	49.63	NV1	L1
34	010230	Võ Yến Như	Nữ	25/01/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN QUAN HÀNH	7.75	8.25	8.75	16.50	49.50	NV1	L1
35	010225	Nguyễn Thị Thùy Nhung	Nữ	15/07/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.00	9.25	9.00	15.50	49.50	NV1	L1

NGUYỄN VỌNG 2

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 35 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 0 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐQTS



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDTTrH



Nguyễn Thị Thanh Thủy

PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Văn Mai

Nghe An, ngày 14 tháng 06 năm 2025

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: LỊCH SỬ

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	010982	Trần Nguyễn Bảo Hân	Nữ	18/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.25	9.75	16.50	52.75	NV1	L1
2	011005	Trương Thị Hà Phương	Nữ	15/07/2010	Kinh	THCS Quán Bàu	7.75	9.25	9.25	17.00	51.75	NV1	L1
3	011012	Ngô Quang Tùng	Nam	11/10/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.75	8.50	9.25	16.75	51.63	NV1	L1
4	010971	Đinh Hà Đăng	Nữ	29/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	9.00	9.50	16.75	51.63	NV1	L1
5	011007	Lê Tuấn Sang	Nam	15/06/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.25	9.25	9.25	16.50	50.50	NV1	L1
6	011019	Nguyễn Yến Vy	Nữ	23/05/2010	Kinh	THCS Quán Bàu	8.75	8.25	9.25	16.00	50.25	NV1	L1
7	010959	Nguyễn Trần Diệp Anh	Nữ	23/10/2010	Kinh	THCS Lê Mao	8.00	9.25	9.00	16.00	50.25	NV1	L1
8	010976	Ngô Hồ Ngọc Giao	Nữ	02/07/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	8.25	9.00	9.75	15.50	50.25	NV1	L1
9	010998	Đinh Bảo Ngọc	Nữ	27/07/2010	Kinh	Trường THCS Trung Đô	7.25	8.50	8.75	17.00	50.00	NV1	L1
10	010957	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	Nam	10/03/2010	Kinh	THCS Nghi Phú	8.50	8.50	9.75	15.50	50.00	NV1	L1
11	010958	Nguyễn Thục Anh	Nữ	30/09/2010	Kinh	THCS Nghi Trung	8.50	7.75	9.50	16.00	49.75	NV1	L1
12	010990	Nguyễn Thái Kiên	Nam	11/12/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.75	8.50	8.75	16.50	49.75	NV1	L1
13	010978	Trần Thu Hà	Nữ	27/04/2010	Kinh	THCS Lê Mao	8.00	9.00	9.75	15.00	49.25	NV1	L1
14	010975	Uông Lê Hương Giang	Nữ	24/10/2010	Kinh	THCS Nghi Đức	8.25	9.25	9.50	14.75	49.13	NV1	L1
15	010964	Hoàng Gia Bảo	Nam	09/09/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	7.50	8.50	9.00	16.00	49.00	NV1	L1
16	011014	Hoàng Nguyễn Bảo Uyên	Nữ	09/11/2010	Kinh	THCS Phúc Thọ	7.00	9.00	8.50	16.00	48.50	NV1	L1
17	011009	Hồ Thị Bích Trâm	Nữ	19/03/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.25	8.50	8.25	16.00	48.00	NV1	L1
18	011015	Hồ Đình Hiền Vinh	Nam	06/08/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	8.50	8.25	9.75	14.00	47.50	NV1	L1
19	010968	Trần Hoàng Dương	Nam	03/02/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.50	8.50	9.25	14.00	47.25	NV1	L1
20	010988	Nguyễn Văn Khánh	Nữ	29/07/2010	Kinh	THCS Cửa Nam	8.00	8.00	9.25	14.50	47.00	NV1	L1
21	011013	Hà Nguyễn Thảo Uyên	Nữ	13/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	6.25	8.00	8.75	15.00	45.50	NV1	L1
NGUYỄN VỌNG 2													
22	010039	Nguyễn Thục Bình	Nữ	28/06/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	9.00	9.00	8.25	15.50	49.50	NV2	L1
23	010310	Nguyễn Cao Thảo Vy	Nữ	05/09/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	7.75	9.00	9.50	15.50	49.50	NV2	L1
24	010143	Nguyễn Phương Linh	Nữ	28/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	9.00	9.50	15.50	49.25	NV2	L1
25	010233	Ngô Thụy Hồng Phúc	Nữ	11/05/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	7.50	9.50	9.75	15.00	49.25	NV2	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010281	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Nữ	26/12/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	8.00	8.75	9.00	15.50	49.00	NV2	L1
27	010215	Phan Phương Nhi	Nữ	25/01/2010	Kinh	THCS Trường Thi	8.00	9.25	9.25	15.00	49.00	NV2	L1
28	010087	Nguyễn Văn Hà	Nữ	25/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.25	9.50	9.75	14.75	48.63	NV2	L1
29	010222	Cao Lê An Nhiên	Nữ	17/10/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	9.00	9.00	8.75	14.50	48.50	NV2	L1
30	010253	Phạm Thị Anh Thơ	Nữ	15/08/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.00	9.25	9.50	14.50	48.50	NV2	L1
31	010095	Nguyễn Thị Minh Hiền	Nữ	13/06/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.50	9.00	9.25	15.00	48.25	NV2	L1
32	010014	Lê Minh Nhật Anh	Nữ	29/08/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.00	9.25	8.50	15.00	48.25	NV2	L1
33	010111	Phạm Trịnh Ngọc Khánh	Nữ	30/07/2010	Kinh	THCS VINH TÂN	8.50	9.00	8.75	14.50	48.00	NV2	L1
34	010242	Nguyễn Thục Quyên	Nữ	06/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	9.25	8.75	14.50	47.75	NV2	L1
35	010016	Lương Nữ Hồng Anh	Nữ	12/07/2010	Kinh	THCS Hưng Bình	6.75	9.25	6.75	16.50	47.50	NV2	L1

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 21 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 14 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐQT



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT

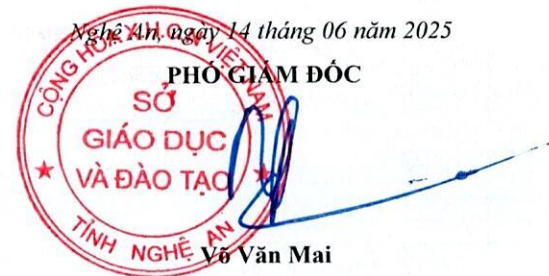


Trần Thanh Hiệp

PTP GDT+H



Nguyễn Thị Thanh Thủy



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: ĐỊA LÝ

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VONG 1													
1	010943	Tô Minh Tâm	Nữ	05/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.25	9.25	18.75	55.13	NV1	L1
2	010933	Nguyễn Tuệ Nhi	Nữ	26/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.00	9.75	18.75	55.13	NV1	L1
3	010900	Trịnh Đào Ngọc An	Nữ	27/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.00	7.75	18.50	53.50	NV1	L1
4	010945	Nguyễn Thị Mai Trang	Nữ	18/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	9.25	9.75	17.50	52.75	NV1	L1
5	010951	Trần Thị Hải Yến	Nữ	06/01/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	8.00	8.75	9.25	17.50	52.25	NV1	L1
6	010916	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	06/03/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	7.75	9.50	9.50	17.00	52.25	NV1	L1
7	010928	Lê Thị Trà My	Nữ	05/08/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	6.75	9.25	9.50	17.75	52.13	NV1	L1
8	010941	Đặng Thị Ánh Sơn	Nữ	24/01/2010	Kinh	THCS Trần Phú	8.00	9.50	9.50	16.50	51.75	NV1	L1
9	010924	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	26/10/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	7.25	9.00	7.75	18.25	51.38	NV1	L1
10	010932	Chu Yến Nhi	Nữ	19/02/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	7.75	8.75	9.25	17.00	51.25	NV1	L1
11	010948	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	19/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.50	9.50	16.00	51.25	NV1	L1
12	010949	Nguyễn Thị Phương Uyên	Nữ	01/05/2010	Kinh	THCS Nghi Phú	7.25	9.00	7.25	18.50	51.25	NV1	L1
13	010914	Hồ Thị Minh Hằng	Nữ	13/03/2010	Kinh	Trường THCS Trung Đô	7.75	9.00	10.00	16.00	50.75	NV1	L1
14	010921	Nguyễn Sỹ Trung Kiên	Nam	14/03/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	7.50	8.50	7.50	17.25	49.38	NV1	L1
15	010940	Đặng Diễm Quỳnh	Nữ	15/09/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.25	9.25	6.50	17.50	49.25	NV1	L1
16	010913	Tạ Quỳnh Hà	Nữ	13/11/2010	Kinh	THCS Cửa Nam	7.75	8.75	8.75	16.00	49.25	NV1	L1
17	010944	Văn Bùi Anh Thư	Nữ	10/04/2010	Kinh	THCS Hưng Bình	7.25	8.75	9.00	16.00	49.00	NV1	L1
18	010950	Trần Hà Vy	Nữ	23/08/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.25	8.50	8.75	16.00	48.50	NV1	L1
19	010904	Nguyễn Hồng Ân	Nam	23/02/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	7.00	8.50	8.50	16.25	48.38	NV1	L1
20	010906	Lê Khánh Chi	Nữ	07/08/2010	Kinh	THCS Thượng Sơn	6.25	8.75	7.00	17.50	48.25	NV1	L1
21	010925	Thái Thị Thùy Linh	Nữ	03/02/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	7.25	8.50	8.00	16.00	47.75	NV1	L1
22	010923	Nguyễn Trúc Lâm	Nữ	15/06/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.25	8.50	7.00	16.00	47.75	NV1	L1
23	010911	Nguyễn Hải Đăng	Nam	05/03/2010	Kinh	THCS Hòa Hiếu 2	6.75	8.75	7.75	16.00	47.25	NV1	L1
24	010934	Lê Thị Cẩm Nhung	Nữ	03/08/2010	Kinh	THCS THỊ TRẦN KIM SƠN	7.00	8.75	8.25	15.25	46.88	NV1	L1
25	010942	Nguyễn Cảnh Tài	Nam	05/04/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	6.75	9.25	8.00	15.00	46.50	NV1	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010907	Mai Nguyễn Tiến Dũng	Nam	10/10/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	7.50	8.00	9.25	14.00	45.75	NV1	L1
NGUYỄN VỌNG 2													
27	010121	Bùi Trần Khánh Linh	Nữ	10/09/2010	Kinh	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	8.00	9.25	9.50	15.00	49.25	NV2	L1
28	010264	Đặng Thị Minh Trang	Nữ	04/07/2010	Kinh	TH&THCS Thực hành SP Nghệ An	7.50	9.00	9.50	15.50	49.25	NV2	L1
29	010172	Nguyễn Thị Lê Na	Nữ	11/09/2010	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	7.75	9.25	8.25	16.00	49.25	NV2	L1
30	010217	Trần Mai Nhi	Nữ	08/11/2010	Kinh	THCS Đội Cung	8.50	9.50	8.25	15.25	49.13	NV2	L1
31	010086	Nguyễn Thị Hồng Hà	Nữ	19/08/2010	Kinh	Trường THCS Trung Đô	8.50	9.25	9.00	14.75	48.88	NV2	L1
32	010294	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	19/03/2010	Kinh	THCS Phúc Thọ	7.25	8.50	8.75	16.00	48.50	NV2	L1
33	010177	Trần Linh Nga	Nữ	16/10/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	8.25	9.25	8.00	15.25	48.38	NV2	L1
34	010277	Dương Thùy Trâm	Nữ	30/07/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.00	8.50	9.75	14.75	48.38	NV2	L1
35	010164	Nguyễn Ngọc Minh	Nữ	27/01/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN QUAN HẠNH	7.50	8.00	8.75	16.00	48.25	NV2	L1

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 26 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 9 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐQTS



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDTTrH



Nguyễn Thị Thanh Thủy



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: TIẾNG ANH

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	010634	Vương Hoàng Nhi	Nữ	23/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	9.50	9.75	18.00	55.00	NV1	L1
2	010736	Nguyễn Minh Trang	Nữ	04/02/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	9.25	9.25	9.75	17.10	53.90	NV1	L1
3	010559	Bùi Quang Minh	Nam	16/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	8.75	10.00	17.50	53.50	NV1	L1
4	010508	Nguyễn Duy Khoa	Nam	06/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.25	9.50	17.20	52.80	NV1	L1
5	010547	Trần Phương Linh	Nữ	17/07/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.25	8.75	9.75	15.65	51.23	NV1	L1
6	010385	Lâm Gia Bảo	Nam	18/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	9.25	9.50	16.20	51.05	NV1	L1
7	010590	Phạm Phương Nga	Nữ	04/11/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.00	9.50	15.50	51.00	NV1	L1
8	010607	Đinh Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	14/08/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.75	9.25	9.50	16.17	50.76	NV1	L1
9	010445	Nguyễn Tài Định	Nam	16/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	8.25	9.50	15.90	50.10	NV1	L1
10	010517	Trần Bá Kiệt	Nam	11/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.25	9.75	14.00	49.25	NV1	L1
11	010369	Nguyễn Trâm Anh	Nữ	08/03/2010	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	7.50	9.50	9.50	14.80	48.70	NV1	L1
12	010461	Nguyễn Minh Hằng	Nữ	19/11/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	7.25	8.00	9.75	15.70	48.55	NV1	L1
13	010505	Phùng Ngân Khánh	Nữ	07/04/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	7.83	9.00	9.75	14.60	48.48	NV1	L1
14	010428	Nguyễn Tuấn Dũng	Nam	01/09/2010	Kinh	THCS Quang Trung	7.50	8.75	9.50	15.10	48.40	NV1	L1
15	010411	Nguyễn Phan Uyên Chi	Nữ	06/02/2010	Kinh	THCS Quán Bàu	7.50	9.25	9.75	13.90	47.35	NV1	L1
16	010576	Thái Đức Minh	Nam	16/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.00	9.50	13.50	47.25	NV1	L1
17	010740	Phan Huyền Trang	Nữ	14/11/2010	Kinh	THCS Thị Trấn Nghĩa Đàn	6.75	8.75	10.00	14.25	46.88	NV1	L1
18	010716	Nguyễn Tùng Thư	Nữ	13/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	8.75	9.75	13.50	46.75	NV1	L1
19	010351	Hoàng Thị Minh Anh	Nữ	25/08/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.00	9.00	9.50	13.40	46.60	NV1	L1
20	010640	Đặng Hoàng Phát	Nam	21/11/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	8.75	9.75	13.35	46.53	NV1	L1
21	010763	Vũ Sỹ Đức Tú	Nam	23/11/2010	Kinh	THCS Hòa Hiếu 2	8.25	8.50	9.25	13.55	46.33	NV1	L1
22	010609	Nguyễn Doãn Đăng Nguyên	Nam	24/01/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	7.50	8.00	9.50	14.05	46.08	NV1	L1
23	010477	Dương Mạnh Hùng	Nam	18/09/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	9.00	8.25	9.75	12.70	46.05	NV1	L1
24	010480	Lê Huy	Nam	22/01/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	8.00	7.75	9.25	14.00	46.00	NV1	L1
25	010498	Hoàng Đăng Nghĩa Khánh	Nam	20/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.50	9.75	12.40	45.85	NV1	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010331	Ngô Thị Ngọc An	Nữ	15/12/2010	Kinh	THCS Bạch Ngọc	8.50	8.00	9.75	13.00	45.75	NV1	L1
27	010757	Nguyễn Ngọc Trường	Nam	18/01/2010	Kinh	Trường THCS Trung Đô	9.00	8.75	9.75	12.00	45.50	NV1	L1
28	010393	Phan Nữ Thanh Cẩm	Nữ	05/01/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	8.50	8.50	10.00	11.90	44.85	NV1	L1
29	010693	Lê Ngọc Thảo	Nữ	24/01/2010	Kinh	THCS Phùng Chí Kiên	7.50	8.00	9.50	13.00	44.50	NV1	L1
30	010392	Lê Ngọc Bình	Nữ	28/08/2010	Kinh	THCS Phùng Chí Kiên	8.75	7.75	9.50	12.00	44.00	NV1	L1
31	010328	Hoàng Thái An	Nam	10/09/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	7.00	8.75	9.00	12.70	43.80	NV1	L1
32	010478	Mạnh Phi Hùng	Nam	26/04/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.75	8.50	9.25	12.10	43.65	NV1	L1
33	010521	Phạm Đình Tùng Lâm	Nam	23/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	8.50	9.25	11.65	43.48	NV1	L1
34	010378	Võ Tuấn Anh	Nam	15/08/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	7.75	8.25	9.75	11.80	43.45	NV1	L1
35	010494	Bùi Thiên Khải	Nam	19/01/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	7.75	8.25	9.50	11.80	43.20	NV1	L1

NGUYỄN VỌNG 2

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 35 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 0 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐTS



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

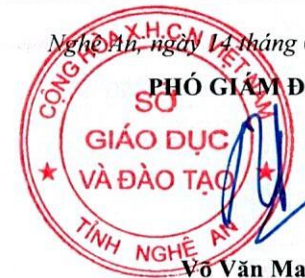
PTP GDTTrH



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nghệ An, ngày 14 tháng 06 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Văn Mai

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: TIẾNG NGA

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	010433	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	26/06/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	9.00	8.25	10.00	16.90	52.60	NV1	L1
2	010469	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	30/03/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.00	9.75	16.65	51.73	NV1	L1
3	010453	Hồ An Hà	Nữ	07/10/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	8.25	8.50	10.00	16.45	51.43	NV1	L1
4	010367	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	26/02/2011	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	6.75	8.75	9.75	17.23	51.10	NV1	L1
5	010774	Trần Thảo Uyên	Nữ	29/04/2010	Kinh	THCS Bến Thủy	7.50	9.50	9.50	16.20	50.80	NV1	L1
6	010553	Nguyễn Quốc Long	Nam	30/01/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.25	8.75	10.00	16.30	50.45	NV1	L1
7	010347	Đinh Nguyễn Thủy Anh	Nữ	21/08/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	6.50	8.75	9.25	14.50	46.25	NV1	L1
8	010549	Vì Gia Linh	Nữ	22/11/2010	Thái	THCS Đặng Thai Mai	7.50	8.75	9.25	13.60	45.90	NV1	L1
9	010539	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	13/08/2010	Kinh	THCS Lê Mao	7.00	8.50	9.75	13.30	45.20	NV1	L1
10	010504	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	Nữ	17/11/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	8.50	9.00	9.75	11.80	44.95	NV1	L1
11	010612	Nguyễn Thành Nguyên	Nam	14/09/2010	Kinh	THCS Quán Bàu	7.75	7.75	9.50	13.30	44.95	NV1	L1
12	010426	Hoàng Nghĩa Dũng	Nam	07/05/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	6.75	8.50	9.75	13.15	44.73	NV1	L1
13	010726	Bùi Minh Trang	Nữ	29/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	8.75	9.75	11.30	43.95	NV1	L1
14	010698	Trịnh Phương Thảo	Nữ	10/04/2010	Kinh	THCS Cửa Nam	8.50	9.25	9.25	11.20	43.80	NV1	L1
15	010528	Dương Nguyễn Trúc Linh	Nữ	11/12/2010	Kinh	THCS Lê Mao	8.25	9.00	9.25	11.50	43.75	NV1	L1
16	010562	Hoàng Công Minh	Nam	24/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	8.25	9.75	11.00	43.25	NV1	L1
17	010479	Cát Thành Huy	Nam	09/10/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.00	8.25	9.25	11.60	42.90	NV1	L1
18	010333	Nguyễn Hà An	Nữ	22/09/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	7.50	8.00	9.75	11.70	42.80	NV1	L1
19	010376	Trần Lê Anh	Nam	05/04/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.00	9.00	9.75	10.60	42.65	NV1	L1
20	010506	Cao Đăng Khoa	Nam	12/03/2010	Kinh	Tiểu học và THCS Xanh Tuệ Đức Nghệ An	9.25	8.75	10.00	9.70	42.55	NV1	L1
21	010415	Trần Thị Mai Chi	Nữ	17/08/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	9.00	9.25	9.75	9.60	42.40	NV1	L1
22	010495	Nguyễn Vương Khang	Nam	05/12/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.50	9.00	9.00	10.57	42.36	NV1	L1
23	010324	Chu Thị Hoài An	Nữ	13/04/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	8.75	9.50	9.75	9.40	42.10	NV1	L1
24	010340	Phan Nguyên An	Nữ	10/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	8.25	9.75	10.35	41.78	NV1	L1
25	010336	Nguyễn Khánh An	Nữ	07/08/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	7.50	8.25	9.50	10.85	41.53	NV1	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010424	Nguyễn Thùy Dung	Nữ	08/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.00	9.25	9.70	41.30	NV1	L1
27	010419	Trần Quang Danh	Nam	29/01/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.00	8.50	9.50	10.20	41.30	NV1	L1
28	010473	Nguyễn Cảnh Hoàn	Nam	24/07/2010	Kinh	Tiểu học và THCS Xanh Tuệ Đức Nghệ An	8.00	8.50	9.75	9.80	40.95	NV1	L1
29	010457	Nguyễn Ngô Thanh Hải	Nữ	27/07/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	7.50	9.00	9.25	9.50	40.00	NV1	L1
30	010434	Nguyễn Tuấn Dương	Nam	25/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	8.75	9.50	9.40	39.85	NV1	L1
31	010608	Hoàng Trung Nguyên	Nam	12/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.25	8.50	9.75	9.50	39.75	NV1	L1
32	010342	Võ Thị Hải An	Nữ	17/07/2010	Kinh	Trường THCS Nghi Xá	6.50	8.75	9.50	10.00	39.75	NV1	L1
33	010364	Nguyễn Minh Anh	Nữ	11/03/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.50	9.00	8.75	9.60	39.65	NV1	L1
34	010459	Phùng Hồng Hạnh	Nữ	12/08/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	8.25	9.00	9.75	8.30	39.45	NV1	L1
NGUYỄN VỌNG 2													
35	010729	Đậu Thảo Trang	Nữ	18/10/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.50	8.25	9.75	11.15	42.23	NV2	L1

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 34 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 1 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐTS



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDTTrH



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Võ Văn Mai

Nghe An, ngày 14 tháng 06 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO

TỈNH NGHỆ AN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: TIẾNG HÀN

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VONG 1													
1	010674	Hoàng Thúy Quỳnh	Nữ	19/08/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.50	9.50	10.00	17.30	52.95	NV1	L1
2	010699	Bùi Khánh Thiện	Nam	25/11/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.25	10.00	16.90	52.85	NV1	L1
3	010412	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	09/02/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	9.00	8.50	9.75	16.50	52.00	NV1	L1
4	010579	Trần Tuệ Minh	Nữ	09/02/2010	Kinh	THCS Vạn Phong	7.75	9.25	9.50	16.75	51.63	NV1	L1
5	010701	Nguyễn Văn Thông	Nam	08/09/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.50	9.25	16.00	51.00	NV1	L1
6	010372	Phạm Đặng Tường Anh	Nữ	14/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	9.00	9.75	16.40	50.85	NV1	L1
7	010362	Nguyễn Hà Anh	Nữ	12/02/2010	Kinh	PT CLC Phượng Hoàng	6.00	8.50	8.50	16.00	47.00	NV1	L1
8	010597	Võ Bảo Ngân	Nữ	06/02/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	8.25	9.25	9.50	13.25	46.88	NV1	L1
9	010691	Hồ Trần Phương Thảo	Nữ	19/08/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.75	9.00	9.50	13.70	46.80	NV1	L1
10	010452	Trần Mai Phương Giang	Nữ	05/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	9.00	9.75	12.70	46.55	NV1	L1
11	010550	Võ Thị Khánh Linh	Nữ	19/08/2010	Kinh	Trường THCS Trung Đô	7.75	9.00	9.75	12.80	45.70	NV1	L1
12	010356	Hồ Quỳnh Anh	Nữ	30/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	9.50	9.50	12.40	45.60	NV1	L1
13	010527	Cao Phương Linh	Nữ	13/12/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	8.00	8.50	9.50	12.95	45.43	NV1	L1
14	010673	Hoàng Ngọc Quỳnh	Nữ	19/03/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	7.50	8.25	9.75	12.50	44.25	NV1	L1
15	010543	Nguyễn Thục Linh	Nữ	17/10/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	7.75	8.50	9.75	12.00	44.00	NV1	L1
16	010683	Đặng An Tâm	Nữ	21/08/2010	Kinh	THCS Quang Trung	8.25	9.25	9.50	11.25	43.88	NV1	L1
17	010454	Nguyễn Khánh Hà	Nữ	17/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.75	9.00	9.50	11.73	43.85	NV1	L1
18	010708	Lê Đình Anh Thư	Nữ	15/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	8.00	9.75	11.30	43.45	NV1	L1
19	010705	Trần Ngô Phương Thùy	Nữ	02/01/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.00	9.25	9.75	10.80	43.20	NV1	L1
20	010442	Trần Tấn Đạt	Nam	29/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.75	9.00	9.50	11.15	42.98	NV1	L1
21	010422	Nguyễn Thị Thuỷ Dung	Nữ	04/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	8.75	9.75	10.40	42.85	NV1	L1
22	010529	Đào Diệu Linh	Nữ	30/08/2010	Kinh	THCS Đặng Chánh Kỳ	8.50	7.00	9.50	11.80	42.70	NV1	L1
23	010728	Đậu Huyền Trang	Nữ	04/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.00	9.00	10.00	11.05	42.58	NV1	L1
24	010720	Lê Hà Thương	Nữ	03/11/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN QUAN HÀNH	9.50	8.50	9.25	10.20	42.55	NV1	L1
25	010414	Thái Đan Chi	Nữ	10/10/2010	Thái	THCS Nguyễn Trãi	8.75	9.00	9.75	9.70	42.05	NV1	L1

T. 7

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010696	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	31/05/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	8.00	9.00	9.75	10.20	42.05	NV1	L1
27	010352	Hoàng Thị Vân Anh	Nữ	03/06/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	9.25	9.50	9.95	41.68	NV1	L1
28	010638	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	02/02/2010	Kinh	THCS Thị Trấn Nghĩa Dân	7.75	9.00	9.75	10.10	41.65	NV1	L1
29	010357	Lê Quỳnh Anh	Nữ	06/02/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	9.00	8.25	9.50	9.90	41.60	NV1	L1
30	010349	Hoàng Nguyễn Phương Anh	Nữ	10/04/2010	Kinh	THCS Đặng Chánh Kỳ	8.75	8.50	9.00	9.70	40.80	NV1	L1
31	010423	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	Nữ	07/06/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS DIỄN ĐOÀI	7.75	8.75	9.25	9.60	40.15	NV1	L1
32	010744	Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	02/07/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	9.00	8.00	9.75	8.80	39.95	NV1	L1
33	010360	Nguyễn Cao Hoài Anh	Nữ	04/06/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	8.00	8.25	9.00	9.60	39.65	NV1	L1
34	010770	Bùi Thảo Uyên	Nữ	22/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	9.00	9.75	8.40	39.35	NV1	L1
35	010631	Tôn Nữ Tuyết Nhi	Nữ	01/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	8.75	9.50	9.00	39.25	NV1	L1

NGUYỄN VỌNG 2

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 35 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 0 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐQTS



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDTTrH



Nguyễn Thị Thanh Thủy



PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Văn Mai

Nghe An, ngày 14 tháng 06 năm 2025

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC

2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: TIẾNG NHẬT

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	010456	Bùi Mạnh Hải	Nam	10/07/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN QUAN HÀNH	7.50	8.25	9.50	16.65	50.23	NV1	L1
2	010556	Phạm Thị Quỳnh Mai	Nữ	01/04/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	7.75	9.00	10.00	15.05	49.33	NV1	L1
3	010418	Lê Minh Danh	Nam	04/12/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	8.00	10.00	15.23	49.10	NV1	L1
4	010675	Nguyễn Hoàng Sa	Nữ	10/03/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	8.25	8.50	9.75	14.10	47.65	NV1	L1
5	010516	Nguyễn Trọng Kiệt	Nam	25/07/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP DH Vinh	6.50	7.00	9.50	15.90	46.85	NV1	L1
6	010524	Trần Hoàng Bảo Lâm	Nam	30/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.50	9.50	13.23	46.85	NV1	L1
7	010394	Đặng Hồ Bảo Châu	Nữ	08/08/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.25	8.25	10.00	14.20	46.80	NV1	L1
8	010501	Nguyễn Ngọc Khánh	Nữ	28/01/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.50	9.00	9.75	13.00	46.75	NV1	L1
9	010502	Nguyễn Ngọc Khánh	Nữ	09/02/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN QUAN HÀNH	7.50	9.25	9.75	13.20	46.30	NV1	L1
10	010344	Cao Hà Anh	Nữ	22/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	9.25	9.50	13.35	46.28	NV1	L1
11	010350	Hoàng Phạm Quỳnh Anh	Nữ	22/11/2010	Kinh	THCS Nghi Ân	8.25	9.00	9.25	13.15	46.23	NV1	L1
12	010737	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	16/01/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	9.00	8.75	9.75	12.35	46.03	NV1	L1
13	010660	Phạm Hồng Quang	Nam	12/10/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.75	8.50	9.75	12.50	45.75	NV1	L1
14	010444	Vương Thừa Đăng	Nam	07/06/2010	Kinh	Phổ thông Thực hành SP DH Vinh	7.50	8.25	9.00	13.80	45.45	NV1	L1
15	010555	Nguyễn Phương Mai	Nữ	30/08/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	8.50	9.00	9.75	11.95	45.18	NV1	L1
16	010329	Hồ Đình An	Nam	09/05/2009	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	6.75	7.25	9.50	14.30	44.95	NV1	L1
17	010515	Chu Tuấn Kiệt	Nam	02/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	8.75	9.50	12.20	44.80	NV1	L1
18	010475	Nguyễn Công Việt Hoàng	Nam	28/08/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.00	9.50	11.70	44.55	NV1	L1
19	010617	Phan Huy Nhân	Nam	13/09/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.00	8.75	9.00	12.43	44.40	NV1	L1
20	010654	Nguyễn Hà Phương	Nữ	19/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.00	9.75	11.40	44.10	NV1	L1
21	010697	Phạm Phương Thảo	Nữ	09/10/2010	Kinh	THCS Trường Thi	8.00	9.25	9.50	11.10	43.40	NV1	L1
22	010483	Đậu Khánh Huyền	Nữ	14/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.50	9.25	9.75	10.40	43.10	NV1	L1
23	010646	Đặng Trần Phong	Nam	17/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.75	8.25	9.75	11.55	43.08	NV1	L1
24	010435	Trần Thị Ánh Dương	Nữ	18/12/2010	Kinh	THCS Lê Mao	8.00	8.00	9.75	11.20	42.55	NV1	L1
25	010335	Nguyễn Hà An	Nam	02/10/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	8.25	9.75	10.70	42.05	NV1	L1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010655	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	08/11/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	8.50	8.00	9.50	10.55	41.83	NV1	L1
27	010413	Phạm Diệp Chi	Nữ	07/12/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	7.25	8.50	9.75	10.87	41.81	NV1	L1
28	010647	Đoàn Gia Phong	Nam	30/03/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	7.75	8.75	9.75	10.20	41.55	NV1	L1
29	010766	Nguyễn Cảnh Tùng	Nam	30/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	7.50	8.75	9.75	10.30	41.45	NV1	L1
30	010724	Nguyễn Công Tố	Nam	27/06/2010	Kinh	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	8.25	8.75	9.75	9.80	41.45	NV1	L1
31	010642	Nguyễn Hữu Phát	Nam	13/12/2010	Kinh	THCS Hòa Hiếu 2	7.50	9.25	9.50	9.75	40.88	NV1	L1
32	010630	Thái Yến Nhi	Nữ	31/07/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.00	9.00	9.25	9.60	40.65	NV1	L1
33	010734	Nguyễn Mai Trang	Nữ	08/02/2010	Kinh	THCS Đặng Chánh Kỳ	8.50	8.50	9.50	9.40	40.60	NV1	L1
34	010530	Đặng Gia Linh	Nữ	10/01/2010	Kinh	TH&THCS Thực hành SP Nghệ An	7.75	9.00	9.75	9.00	40.00	NV1	L1
35	010472	Nguyễn Bá Hoàn	Nam	21/11/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	7.75	7.50	9.75	10.00	40.00	NV1	L1

NGUYỄN VỌNG 2

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 35 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 0 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐQTS



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDTTrH



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Ngày 14 tháng 06 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Văn Mai

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC
2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: TIẾNG TRUNG QUỐC

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	010777	Nguyễn Thị Hà Vy	Nữ	27/08/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	9.25	9.25	10.00	17.00	54.00	NV1	L1
2	010518	Võ Trọng Kim	Nam	19/12/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	9.00	9.75	17.30	53.70	NV1	L1
3	010391	Trần Hà Băng Băng	Nữ	09/05/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	8.50	9.50	10.00	17.00	53.50	NV1	L1
4	010409	Nguyễn Mai Chi	Nữ	17/02/2010	Kinh	THCS Hoàng Xuân Hãn	8.50	8.75	10.00	17.20	53.05	NV1	L1
5	010406	Nguyễn Khánh Chi	Nữ	10/11/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	9.25	9.50	17.35	53.03	NV1	L1
6	010760	Lê Anh Tuấn Tú	Nam	07/07/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	8.75	9.75	17.35	52.78	NV1	L1
7	010436	Đặng Thị Tâm Đan	Nữ	15/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	9.25	10.00	16.10	52.65	NV1	L1
8	010745	Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	21/04/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	7.75	9.25	9.75	16.80	51.95	NV1	L1
9	010386	Nguyễn Thiệu Bảo	Nam	19/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.25	8.50	9.75	16.10	51.65	NV1	L1
10	010616	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	17/04/2010	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	9.50	9.25	9.75	15.40	51.60	NV1	L1
11	010365	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	24/02/2010	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	6.50	9.50	10.00	17.00	51.50	NV1	L1
12	010565	Lê Quốc Minh	Nam	04/04/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.00	9.00	9.75	15.50	50.00	NV1	L1
13	010619	Chu Tuệ Nhi	Nữ	11/04/2010	Kinh	THCS Hưng Bình	9.25	9.50	9.75	13.75	49.13	NV1	L1
14	010400	Nguyễn Thị Bảo Châu	Nữ	31/12/2009	Kinh	Phổ thông Thực hành SP ĐH Vinh	8.00	8.75	9.50	15.10	48.90	NV1	L1
15	010486	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	05/04/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.75	9.00	9.75	13.90	48.35	NV1	L1
16	010346	Đậu Thị Lan Anh	Nữ	22/03/2010	Kinh	THCS Nghi Hương	8.50	9.00	9.75	13.80	47.95	NV1	L1
17	010753	Ngô Thị Oanh Trúc	Nữ	16/01/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN QUAN HÀNH	8.50	9.00	9.75	13.50	47.50	NV1	L1
18	010554	Nguyễn Thị Hồng Luyến	Nữ	01/01/2010	Kinh	THCS Lam Thành	8.00	9.50	9.75	13.00	46.75	NV1	L1
19	010410	Nguyễn Ngọc Khánh Chi	Nữ	26/11/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	8.75	9.00	9.75	12.30	45.95	NV1	L1
20	010485	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	24/09/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	7.50	9.25	9.25	13.00	45.50	NV1	L1
21	010635	Dương Khánh Nhung	Nữ	07/08/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	8.50	9.00	9.75	11.95	45.18	NV1	L1
22	010339	Nguyễn Thị Hoàng An	Nữ	01/12/2010	Kinh	THCS Bạch Liêu	8.50	8.25	9.75	12.43	45.15	NV1	L1
23	010628	Phan Vũ Gia Nhi	Nữ	21/02/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.50	9.25	9.50	11.65	44.73	NV1	L1
24	010341	Trần Hà An	Nữ	11/05/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	8.75	9.50	12.00	44.50	NV1	L1
25	010599	Dương Mạnh Như Ngọc	Nữ	27/11/2010	Kinh	THCS Đặng Chánh Kỳ	6.75	9.00	9.75	12.47	44.21	NV1	L1

Tg

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010782	Nguyễn Thị Hương Xuân	Nữ	12/01/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	9.00	9.00	9.75	10.80	43.95	NV1	L1
27	010497	Điền Văn Nam Khánh	Nam	15/10/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.50	8.00	9.50	11.90	43.85	NV1	L1
28	010348	Hoàng Linh Anh	Nữ	10/09/2010	Kinh	THCS Cửa Nam	8.25	9.00	9.50	11.40	43.85	NV1	L1
29	010610	Nguyễn Dương Đức Nguyên	Nam	02/11/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.25	8.75	9.75	11.20	43.55	NV1	L1
30	010727	Cao Hoàng Hà Trang	Nữ	31/01/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	8.00	8.75	9.75	11.30	43.45	NV1	L1
31	010652	Nguyễn Lê Phước	Nam	15/04/2010	Kinh	THCS Hòa Hiếu 2	7.50	8.75	9.00	12.10	43.40	NV1	L1
32	010750	Thái Trần Bảo Trân	Nữ	12/07/2010	Kinh	THCS Lý Nhật Quang	7.00	8.75	9.50	12.00	43.25	NV1	L1
33	010525	Võ Tiến Lâm	Nam	06/09/2010	Kinh	THCS Hòa Hiếu 2	8.25	7.25	9.50	12.05	43.08	NV1	L1
34	010488	Võ Thị Khánh Huyền	Nữ	10/01/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	8.00	8.75	10.00	10.57	42.61	NV1	L1
35	010583	Võ Phan An Na	Nữ	03/02/2010	Kinh	THCS Quang Trung	8.25	8.50	9.50	10.40	41.85	NV1	L1

NGUYỄN VỌNG 2

Danh sách gồm 35 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 35 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 0 thí sinh.

CHỦ TỊCH HĐQTS

Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT

Trần Thanh Hiệp

PTP GDTTrH

Nguyễn Thị Thanh Thủy



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU NĂM HỌC

2025 - 2026

Kỳ thi: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

LỚP CHUYÊN: TIẾNG PHÁP

Khóa ngày: 04/06/2025

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
NGUYỄN VỌNG 1													
1	010804	Nguyễn Minh Thủy	Nữ	05/09/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	9.25	9.00	9.75	17.50	54.25	NV1	L1
2	010790	Đặng Duy Dũng	Nam	22/01/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	8.50	9.50	9.50	16.05	51.58	NV1	L1
3	010798	Nguyễn Thủy Lâm	Nữ	14/05/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	8.25	8.75	9.25	15.25	49.13	NV1	L1
4	010806	Lê Công Lâm Vũ	Nam	12/04/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	8.25	8.50	9.75	14.55	48.33	NV1	L1
5	010789	Mai Phan Ánh Dung	Nữ	03/12/2010	Kinh	THCS Hưng Dũng	8.00	8.00	9.50	14.15	46.73	NV1	L1
6	010805	Bùi Huy Tuấn	Nam	12/02/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	6.75	8.75	9.00	14.80	46.70	NV1	L1
7	010797	Phạm Bảo Khang	Nam	07/07/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.50	9.00	9.25	13.95	46.68	NV1	L1
8	010796	Nguyễn Phương Huyền	Nữ	16/02/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.50	8.75	9.25	13.85	46.28	NV1	L1
9	010791	Hồ Trọng Minh Dũng	Nam	24/02/2010	Kinh	THCS Đặng Thai Mai	9.00	8.00	8.00	13.30	44.95	NV1	L1
10	010585	Võ Nhật Nam	Nam	09/01/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	8.25	9.00	9.75	10.00	42.00	NV1	L1
11	010786	Trần Dương Châu Anh	Nữ	11/11/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	6.25	9.25	7.25	12.50	41.50	NV1	L1
12	010672	Nguyễn Văn Quyền	Nam	23/04/2010	Kinh	THCS Nguyễn Trường Tộ - Vinh	7.25	9.25	9.25	10.20	41.05	NV1	L1
13	010799	Nguyễn Thị Thảo Mai	Nữ	06/08/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.75	8.50	7.50	11.40	40.85	NV1	L1
14	010512	Võ Ngọc Mai Khuê	Nữ	09/10/2010	Kinh	TH&THCS Thực hành SP Nghệ An	8.00	8.25	9.50	9.95	40.68	NV1	L1
15	010627	Phạm Bảo Nhi	Nữ	28/03/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	6.25	8.50	9.75	10.45	40.18	NV1	L1
16	010785	Phạm Nguyễn Hoài Anh	Nữ	12/12/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.50	7.50	7.00	12.00	40.00	NV1	L1
17	010800	Bùi Đức Nghĩa	Nam	06/05/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	8.00	8.50	8.00	10.00	39.50	NV1	L1
18	010735	Nguyễn Mai Thảo Trang	Nữ	05/07/2010	Kinh	THCS Hà Huy Tập	8.50	8.25	9.75	8.60	39.40	NV1	L1
19	010370	Nguyễn Trung Anh	Nam	17/12/2010	Kinh	THCS Hồng Sơn	6.75	8.00	10.00	9.60	39.15	NV1	L1
20	010618	Kheo Quang Nhật	Nam	21/01/2010	Kinh	THCS Cao Xuân Huy	8.00	8.25	9.25	9.00	39.00	NV1	L1
21	010801	Ngô Hoàng Quân	Nam	20/11/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.00	8.75	8.75	9.50	38.75	NV1	L1
22	010460	Lê Minh Hằng	Nữ	10/01/2010	Kinh	TRƯỜNG THCS TÔN QUANG PHIỆT	8.00	8.50	9.50	8.35	38.53	NV1	L1
23	010803	Nguyễn Hồng Thủy	Nữ	15/09/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.25	8.50	7.00	10.10	37.90	NV1	L1
24	010626	Nguyễn Thị Tuệ Nhi	Nữ	15/10/2010	Kinh	THCS Lê Mao	8.25	9.25	9.00	7.35	37.53	NV1	L1
25	010802	Võ Khắc Thành	Nam	10/06/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.25	7.75	8.75	8.70	36.80	NV1	L1

Tg

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm bài thi				Điểm xét tuyển vào lớp chuyên	Nguyên vọng	Ghi chú (*)
							Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Môn chuyên			
26	010794	Nguyễn Minh Đức	Nam	30/05/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	7.50	7.50	7.75	7.60	34.15	NV1	L1
27	010792	Lê Dũng	Nam	17/01/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	6.00	8.25	6.75	8.48	33.72	NV1	L1
28	010788	Nguyễn Thị Khánh Chi	Nữ	01/05/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	6.50	7.75	4.75	7.00	29.50	NV1	L1
29	010793	Trần Thái Dương	Nam	22/11/2010	Kinh	THCS Lê Lợi	5.75	6.25	4.25	8.05	28.33	NV1	L1
NGUYỄN VỌNG 2													
30	010533	Hoàng Khánh Linh	Nữ	12/01/2010	Kinh	THCS Hồ Xuân Hương	8.25	8.25	9.75	8.90	39.60	NV2	L1

Danh sách gồm 30 thí sinh, trúng tuyển NV1 có 29 thí sinh, trúng tuyển NV2 có 1 thí sinh.

Nghệ An, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐTS



Cao Thị Lan Thanh

NGƯỜI DUYỆT



Trần Thanh Hiệp

PTP GDTTrH



Nguyễn Thị Thanh Thủy

PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Văn Mai